

Số: 10 /2010/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 01 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức
làm công tác công nghệ thông tin tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 160/2009/NQ-HĐND ngày 10/12/2009 của HĐND tỉnh Đồng Nai về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được luân chuyển, điều động; chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức làm công tác công nghệ thông tin và chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao của tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 13/TTr-SKHHCN ngày 15/01/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức (sau đây gọi chung là cán bộ) chuyên trách làm công tác công nghệ thông tin (CNTT) được thực hiện trong các cơ quan Đảng; cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan) của tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Chế độ trợ cấp thu hút này được áp dụng đối với cán bộ được bố trí làm chuyên trách về CNTT để đảm nhận các nhiệm vụ sau đây:

a) Quản lý các cơ sở dữ liệu (CSDL) được Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện;

b) Quản lý và biên tập Cổng thông tin điện tử của tỉnh Đồng Nai;

c) Quản lý và biên tập Website của cơ quan đảm bảo cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công trực tuyến của cơ quan đạt trên 50% số dịch vụ hành chính công được giao qua môi trường mạng ở mức độ 2 trở lên;

d) Quản lý kỹ thuật, duy trì và phát triển mạng từ 20 máy vi tính trở lên đảm bảo phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước của cơ quan.

Điều 2. Đối tượng không áp dụng

a) Chế độ trợ cấp thu hút này không áp dụng đối với cán bộ đã hưởng các chế độ, chính sách trợ cấp thu hút khác như: Trợ cấp thu hút cán bộ, công chức có trình độ cao đẳng trở lên về công tác tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trợ cấp thu hút quy định trong ngành y tế, giáo dục và đào tạo... của tỉnh;

b) Các đối tượng nêu tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này không được hưởng chế độ thu hút trong các trường hợp sau:

- Miễn nhiệm hoặc được chuyển, điều động sang các phòng, ban, bộ phận hoặc cơ quan khác mà không còn làm công tác CNTT;

- Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4, Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ và lực lượng vũ trang;

- Thời gian đi học trong nước từ 03 tháng liên tục trở lên;

- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương từ 01 tháng liên tục trở lên;

- Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Thời gian bị tạm đình chỉ, đình chỉ công tác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ sở dữ liệu thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương: Là các cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung trong các cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh như: CSDL văn kiện Đảng của Tỉnh ủy; CSDL Kiểm tra Đảng; CSDL Đảng viên của tỉnh; CSDL văn bản pháp luật tỉnh; CSDL dân cư; CSDL về cán bộ, công chức, viên chức; CSDL GIS chuyên ngành tài nguyên - môi trường; CSDL Doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh; CSDL tài chính; CSDL GIS dùng chung cho các chuyên ngành; CSDL khoa học công nghệ... và các CSDL được xây dựng trên cơ sở các dự án CNTT đã được quy hoạch theo Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển bưu chính - viễn thông và CNTT tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020.

2. Dịch vụ hành chính công trực tuyến: Theo Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước, dịch vụ hành chính công, dịch vụ công trực tuyến, 04 mức độ dịch vụ công trực tuyến được quy định như sau:

- Dịch vụ hành chính công: Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan Nhà nước (hoặc tổ chức, doanh nghiệp được ủy quyền) có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà cơ quan Nhà nước đó quản lý;

- Dịch vụ công trực tuyến: Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan Nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng;

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1: Là dịch vụ đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin về quy trình, thủ tục, hồ sơ, thời hạn, phí và lệ phí thực hiện dịch vụ;

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ;

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ;

- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.

3. Cán bộ chuyên trách về CNTT: Cán bộ chuyên trách về CNTT là người trực tiếp làm công tác CNTT trong các cơ quan, không kiêm nhiệm một chức danh nào khác. Cán bộ chuyên trách CNTT do lãnh đạo đơn vị trực tiếp phụ trách công tác CNTT của cơ quan tham mưu cho thủ trưởng cơ quan về số lượng và chất lượng.

Điều 4. Tiêu chuẩn về trình độ cán bộ chuyên trách CNTT

- Trình độ chuyên môn: Có trình độ cao đẳng về công nghệ thông tin hoặc tương đương trở lên;

- Trình độ ngoại ngữ: Anh văn trình độ B hoặc tương đương trở lên;

- Khả năng: Quản lý, tư vấn bảo trì và phát triển hệ thống mạng thông tin, CSDL.

Điều 5. Mức trợ cấp thu hút

Cán bộ chuyên trách công tác CNTT thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, Điều 1 và đủ tiêu chuẩn về trình độ quy định tại Điều 4 của Quyết định này, ngoài tiền lương hưởng theo ngạch, bậc, theo bảng cấp chuyên môn đào tạo và phụ cấp, các chế độ quy định của Nhà nước còn được hưởng trợ cấp thu hút hàng tháng tính theo hệ số nhân với mức lương tối thiểu (MLTT) tại thời điểm được tính trợ cấp thu hút; mức trợ cấp cụ thể như sau:

+ Trình độ Thạc sĩ: 2,0 lần x (MLTT);

+ Trình độ Đại học: 1,5 lần x (MLTT);

+ Trình độ Cao đẳng: 1,0 lần x (MLTT).

Mức trợ cấp thu hút được thay đổi tương ứng khi mức lương tối thiểu thay đổi.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả

Kinh phí chi trả trợ cấp thu hút đối với cán bộ làm công tác CNTT được thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước, thuộc cấp ngân sách nào thì cấp đó đảm nhiệm và được chi trả trong dự toán thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

2. Nguyên tắc chi trả

a) Trợ cấp thu hút đối với cán bộ làm công tác CNTT được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;

b) Chi chi trả cho đơn vị có cán bộ chuyên trách về CNTT đủ tiêu chuẩn về trình độ quy định tại Điều 4 của Quyết định này.

Điều 7. Thời gian được hưởng trợ cấp thu hút là 05 năm.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm chung của các cơ quan

a) Các cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm tuyển dụng và bố trí nhân sự làm công tác CNTT phù hợp với chỉ tiêu biên chế, kế hoạch ứng dụng CNTT theo yêu cầu, nhiệm vụ được giao và cơ sở vật chất trang thiết bị CNTT hiện có; tạo điều kiện, sắp xếp, bố trí thời gian để cán bộ được đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ CNTT;

b) Đăng ký, điều chỉnh danh sách cán bộ làm công tác CNTT khi có thay đổi với Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với các cơ quan Đảng, Đoàn thể) và Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là đơn vị đầu mối để phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện chế độ;

b) Tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh mức trợ cấp cho phù hợp khi có văn bản của Trung ương quy định chế độ thu hút nhân lực CNTT.

3. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Xét duyệt trợ cấp thu hút đối với cán bộ làm công tác CNTT theo đăng ký biên chế, tiền lương đầu năm và đăng ký biến động khi có thay đổi;

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xác định số lượng, trình độ CNTT của cán bộ để làm cơ sở giải quyết chế độ trợ cấp thu hút; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác CNTT theo các tiêu chuẩn quy định.

4. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

a) Tham mưu UBND tỉnh quy hoạch, phát triển nguồn lực CNTT trong cơ quan Nhà nước; tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức CNTT cho các đối tượng này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ:

- Rà soát đội ngũ cán bộ làm công tác CNTT để xây dựng tiêu chí cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan để áp dụng chế độ trợ cấp thu hút. Cụ thể, căn cứ tiêu chuẩn về trình độ đối với cán bộ làm công tác CNTT theo quy định tại Điều 4 của Quyết định này và cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT hiện có, các chương trình, dự án được giao... ở từng cơ quan để xác định cán bộ chuyên trách về CNTT làm cơ sở giải quyết chế độ trợ cấp thu hút;

- Hướng dẫn cho người làm công tác CNTT về việc tham mưu, tổ chức thực hiện ứng dụng CNTT trong các cơ quan hành chính của tỉnh;

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác CNTT hàng năm làm cơ sở để sửa đổi, bổ sung chế độ trợ cấp thu hút CNTT phù hợp với tình hình, nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh.

5. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Cân đối ngân sách hàng năm và bố trí kinh phí giải quyết chế độ trợ cấp thu hút cho cán bộ làm công tác CNTT; phối hợp cùng các sở, ngành liên quan nghiên cứu và trình UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung chế độ trợ cấp thu hút CNTT phù hợp với tình hình ngân sách của tỉnh;

b) Hướng dẫn các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí trợ cấp thu hút cho cán bộ chuyên trách làm công tác CNTT theo quy định.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

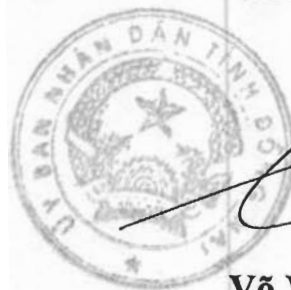
Điều 10. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, TH, KT, TTTH, QTTV.

@DienKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH ✓**



Võ Văn Một